

---

## THÔNG TIN – BÌNH LUẬN

---

### Nét đặc thù của việc khám phá, thể hiện con người trong tiểu thuyết Việt Nam 1945-1975

Lê Thị Hằng\*

*Vụ công tác học sinh, sinh viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo  
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 10 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 10 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2015

**Tóm tắt:** Bài viết đi tìm hiểu nét đặc thù của việc khám phá, thể hiện số phận con người ở tiểu thuyết Việt Nam trước 1975. Đây chính là một hướng nghiên cứu nhằm bổ sung những nhận thức vấn đề, góp phần tạo ra sự tương xứng giữa việc nghiên cứu với chiều kích của những khám phá về con người trong thực tiễn sáng tác văn học của cả giai đoạn. Trên cơ sở sự nhận diện đó, bài viết cũng mong phần nào khám phá được một trong những vấn đề cốt lõi trong quy luật phát triển của văn học: càng ngày, các nhà văn càng gia tăng sự chú ý tới vấn đề số phận con người, qua đó góp thêm tiếng nói nhận diện con đường đi tới của văn học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và giao lưu văn hoá hiện nay.

Từ khóa: Khám phá, thể hiện, số phận con người, tiểu thuyết Việt Nam.

#### 1. Đặt vấn đề

“Văn học là nhân học”, là khoa học đặc thù về con người. Bất cứ nền văn học nào cũng đều quan tâm đến con người, xem con người là đối tượng nghiên cứu, miêu tả chủ yếu, là hạt nhân quan trọng để khám phá hiện thực đời sống. Tuy nhiên, văn học là sản phẩm của một môi sinh văn hóa cụ thể, luôn chịu tác động của một hoàn cảnh lịch sử xã hội sản sinh ra nó, bởi vậy, trong từng điều kiện cụ thể của văn học, vấn đề số phận con người cũng được các nhà văn đề

cập theo những cách khác nhau. Nói tới sự ý thức của các nhà văn nghệ là chúng ta tiếp cận, tìm hiểu tư tưởng của nhà văn. Nếu như nhà văn không có sự “trăn trở” về việc “viết cái gì”, “viết như thế nào” thì có lẽ tác phẩm khó đi đến thành công. Đại văn hào Nga L. Tônxtôi đã từng nói: “Nghệ thuật là kính hiển vi mà nghệ sỹ soi vào những bí ẩn của tâm hồn mình và trình bày những bí ẩn chung cho tất cả mọi người” [6]. Sự thể hiện số phận con người không chỉ là vấn đề của văn học hôm nay. Đó là sự tiếp nối một nguồn mạch quan trọng mang tính nhân bản của lịch sử văn học dân tộc đã mạnh mẽ từ văn học trung đại. Do hoàn cảnh

---

\*ĐT.: 84-985111868

Email: lehang@moet.edu.vn

lịch sử, sự khám phá thể hiện số phận con người ở tiểu thuyết Việt Nam trước 1975 có những nét đặc thù, tiếp nối tinh thần nhân bản của truyền thống văn học dân tộc, gắn với quá trình trưởng thành nhân cách trong những điều kiện văn hóa, lịch sử cụ thể.

## 2. Nội dung

### 2.1. Tô đậm “những lựa chọn cao cả”

Văn học cách mạng Việt Nam 1945-1975 là tiếng nói của Đảng, của quần chúng cách mạng như Hồ chủ tịch đã khẳng định “Văn học nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy” [2]. Văn học trong thời kỳ chiến tranh phải là tiếng nói của công lý, chính nghĩa, cổ vũ chiến đấu cho lý tưởng độc lập tự do của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Vì thế, nền văn học của chúng ta thời kỳ này phải bám rễ sâu trong nguồn chung của lý tưởng cách mạng, đảm nhiệm vai trò tuyên truyền chính trị, cổ vũ chiến đấu.

Nền văn học 1945-1975 là sự kết tinh chín muồi của lý tưởng thẩm mỹ, rung cảm nghệ thuật về cuộc kháng chiến trường kỳ khốc liệt, quật cường, anh dũng. Hiện thực ấy đã thực sự tiếp nguồn cảm xúc, tác động đến thế giới quan của người sáng tác. Văn học thể hiện khí phách cách mạng với những nét tươi nguyên, sống động, chân thực, khoẻ khoắn. Trong bối cảnh phải theo sát bước đi của dân tộc, văn học giai đoạn này tất yếu nghiêng về mạch chảy của lịch sử sự kiện, của cả sự sống, tâm hồn dân tộc. Đối tượng trung tâm mà văn học hướng tới là tầng lớp công nông binh, những chiến sỹ anh hùng đại diện tiêu biểu, kết tinh của lý tưởng cách mạng. Những con người hết sức giản dị nhưng quả cảm, dám hi sinh cái tôi cho cái ta, hy sinh cái vị kỷ vì nghĩa cả. Trong họ luôn luôn hun đúc một lý tưởng cách mạng, tất cả cho sự nghiệp chung của cách mạng, của dân tộc.

Văn học giai đoạn năm 1945 - 1975 là văn học của những sự kiện lịch sử, của số phận toàn dân, của chủ nghĩa anh hùng. Nhân vật trung tâm là những con người đại diện cho giai cấp,

dân tộc, thời đại. Những con người này kết tinh một cách chói lọi những phẩm chất cao quý của cộng đồng, là hình tượng trung tâm của thời đại. Ở họ hiện lên những phẩm chất tốt đẹp, có một sự xác định chọn lựa đúng, cao cả về sự nghiệp chung của cách mạng.

Cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc đã đem lại cho nhà văn những phát hiện lớn lao. Trước hết đó là sức mạnh của dân tộc con người Việt Nam hiện ra với một vẻ đẹp mới lạ thường. Và với sự nhạy cảm của mình, người nghệ sĩ đã nhận thức được sức mạnh của “cả dân tộc vươn mình tới ánh sáng”, nhà văn đã phát hiện ra hình tượng nghệ thuật quan trọng bậc nhất của văn học thời kỳ kháng chiến đó là con người quần chúng.

Tô đậm những lựa chọn cao cả trong mỗi cá nhân con người, đó là sự lựa chọn của các nhà văn nhằm thể hiện, phản ánh cái không khí tung bừng nhiệt huyết vì cách mạng, vì dân tộc của những con người phải sống trong cảnh đất nước có chiến tranh. Họ sẵn sàng xả thân, hy sinh, chịu mất mát về quyền lợi cá nhân cho đất nước, dân tộc. Họ xác định sự sống còn của đất nước cao hơn những gì thuộc về cá nhân. Dường như nhu cầu cá nhân, ý thức cá nhân bị lu mờ đi trước ý thức cộng đồng tập thể. Họ sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân (ước mơ, hoài vọng, sự nghiệp, tuổi xuân...) để “nhập cuộc”, và ngay cả hy sinh đến tính mạng thì họ cũng không nuối tiếc.

Ta bắt gặp hàng loạt sáng tác của các nhà văn dựng lên những con người như thế. Đó là anh hùng Núp trong tác phẩm *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc - Đây là một minh chứng về người anh hùng của quần chúng cách mạng, mang vẻ đẹp của quần chúng vừa phi thường, vừa bình thường; là chị Út Tịch trong truyện kí *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi; là chị Sứ trong *Hòn Đất* của Anh Đức...

*Hòn Đất* miêu tả cuộc chiến đấu của nhân dân vùng Hòn thuộc tỉnh Kiên Giang trong những ngày đầu chống Mỹ cứu nước. Bọn Mỹ quyết tâm tiêu diệt đội du kích, thực hiện kế hoạch “tấn công dồn dập”. Sứ - một thiếu phụ đẹp người đẹp nết bị bọn chúng bắt, trói suốt

đêm bên bờ suối. Dù đau đớn nhưng Sứ không nghĩ đến bản thân mình, và giữ vững tinh thần chiến đấu. Trong tác phẩm ta còn bắt gặp một bà mẹ anh hùng vĩ đại khi bà có một sự quyết định chọn lựa cao cả giữa tình cảm cá nhân (mẹ con) và quyền lợi của đất nước. Bà Cà Sợi là mẹ của Xăm - một tên ác ôn khét tiếng đã từng “mồ gan, lầy mật người gọn lẹ nhất”. Sau cái chết của Sứ, bà đã như điên dại vì thằng Xăm, con trai bà đã chém chết một người con gái không những được cả xứ Hòn yêu mến mà còn là ân nhân cứu mạng của bà khi bà sinh Cà My. Khi chém Sứ xong, Thằng Xăm trở về thăm mẹ, bà Cà Sợi làm cơm rượu mừng thằng Xăm để có ý định tự tay mình giết chết nó. Cuốn tiểu thuyết đã xây dựng thành công hình tượng những người phụ nữ (má Sáu, Cà My, Út Quyên, Sứ, bà Cà Sợi...) điển hình cho những phẩm chất cao quý của các mẹ, các chị ở miền Nam những năm chống Mỹ cứu nước.

Tiếp tục thể hiện tinh thần chiến đấu của những người chiến sỹ cách mạng, ở *Một chuyện chép ở bệnh viện*. Bùi Đức Ái đã xây dựng hình tượng chị Tư Hậu vừa chân thực, vừa sinh động với những cuộc đấu tranh quyết liệt của người mẹ giữa tình mẫu tử và nhiệm vụ cách mạng. Gạt nỗi buồn đau sang một bên (chồng chị hy sinh) và sau bao nhiêu đấu tranh dằn vặt, chị quyết định gửi con để thoát ly đi hoạt động cách mạng. Bọn giặc tìm cách bắt và hành hạ hai đứa con chị để hòng buộc chị phải ra hàng khai báo cơ sở địch hậu để lung lạc tinh thần chị. Đã có những lúc chị tưởng chừng như không chịu đựng nổi. Nhưng tác giả không dừng lại ở việc miêu tả nỗi khổ nhục, mà đặt vấn đề làm thế nào để giải phóng người phụ nữ khỏi nỗi khổ nhục ấy.

Trong sáng tác của các nhà văn giai đoạn này, những người lính xuất hiện trong tác phẩm trên nền phong sử thi và lãng mạn. Họ là những con người sử thi, con người đại diện cho sức mạnh, ý chí khát vọng của cộng đồng. Ở *Dấu chân người lính*, những người lính đi vào chiến dịch Khe Sanh (1968) dưới ngòi bút của Nguyễn Minh Châu là những con người mang lý tưởng cách mạng lớn lao và ý chí mãnh liệt, tâm hồn tràn đầy sức sống. Và trong tác phẩm, vẻ đẹp

của các thế hệ người lính được nhà văn miêu tả khá hoàn chỉnh. Chính uỷ Kinh đại diện cho thế hệ cha anh đã từng tham gia đánh Pháp. Là một người chỉ huy có tài, ông suốt một đời hy sinh quyền lợi cá nhân cho cách mạng, đồng thời ở ông còn nổi bật lên sự chân thành, khiêm tốn và thái độ ưu ái, nâng đỡ đối với lớp trẻ. Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nên cả một thế hệ người lính anh hùng. Lữ kế thừa tinh thần dũng cảm, sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc của thế hệ cha anh đi trước. Suy nghĩ của Lữ đại diện cho lớp trẻ “chúng tôi đã chịu ơn lớp người sinh ra mình và chúng tôi cần xứng đáng với những đứa con” [3]. Khi giặc tràn đến, Lữ đã có hành động hết sức dũng cảm: anh đã gọi pháo của ta rót xuống bọn địch và cũng là chính ở trên đầu mình nữa, khi biết mình không thoát khỏi tay địch, anh đã nói dối là mình đã rút khỏi chốt để các bạn yên tâm. Lữ điển hình cho lớp người mới trong quân đội ngày nay, người chiến sỹ trẻ ở thời chống Mỹ. Ở anh “chứa đựng cả niềm vui và nỗi buồn, cả hoài bão và lý tưởng của cả một thế hệ trẻ”. Đó là niềm say mê thực hiện v-ươn tới lý tưởng, là độ chín của sự giác ngộ giai cấp, là sự trưởng thành của nhân cách mới, là sự vững vàng về tri thức. Bên cạnh Lữ là Khuê, Lượng, Cận, Đàm... Cách sống, sự suy nghĩ của họ giống nhau. Tất cả họ đều là những chiến sỹ đầy anh dũng hy sinh: “họ từ già gia đình, trường học, từ già tương lai cuộc sống tốt đẹp, hết sức bảo đảm đã bắt đầu xây dựng cho họ, từ bỏ trái tim đang ửng hồng ở nhà để đi vào chiến đấu đầy vất vả và hy sinh khá là vô tư, lạc quan, t-ươi trẻ” [3].

Như vậy Nguyễn Minh Châu trong sáng tác trước 1975, qua *Dấu chân người lính*, đã đi vào khám phá, ca ngợi những người chiến sỹ anh hùng. Đó là mẫu hình lý tưởng trong thời đại vinh quang và oanh liệt. Những con người có cùng sự nghiệp chung là xả thân vì nghĩa lớn, vì tập thể. Họ xuất hiện trong trang văn như là sự đại diện trọn vẹn cho đất nước, cho lý tưởng, cho lương tâm, khí phách của thời đại. Nguyễn Minh Châu đã đem đến cho người đọc vẻ đẹp người lính của hai thế hệ cùng ra trận “Lớp cha trước, lớp con sau/ Đã thành đồng chí chung câu quân hành” (Tố Hữu).

Có thể nói rằng trong các tiểu thuyết trước 1975 viết về chiến tranh, các nhà văn đã nghiêng ngòi bút của mình về sự ca ngợi, viết về những gì là cao cả, vĩ đại, đẹp đẽ. Họ hiện lên với vẻ đẹp toàn diện, một vẻ đẹp mang tính chất sử thi, mang vẻ đẹp của cộng đồng dân tộc; là “viên ngọc không tỳ vết”. Vì vậy mà ý kiến của một số nhà nghiên cứu, phê bình đánh giá là: viết về những con người như vậy là khiếm khuyết, là công thức, đơn giản và sơ lược. Thực ra, các nhà văn viết như vậy (tô đậm những lựa chọn cao cả) của những con người trong chiến tranh, cũng xuất phát từ những đặc điểm nền văn học giai đoạn trước 1975, do cách quan niệm nghệ thuật về con người của các cây bút lúc bấy giờ và đồng thời cũng do thị hiếu của bạn đọc thời điểm ấy, thích đọc và tìm hiểu những con người mang ý nghĩa tầm vóc của thời đại, tiêu biểu cho ý chí và cộng đồng.

## 2.2. Né tránh thể hiện những bi kịch số phận

Có chiến tranh là có chiến thắng và có đau thương mất mát. Sau những chiến thắng vĩ đại là sự đổ xuống của bao mất mát, đau thương. Những con người mang khí thế tung bừng ra chiến trường thì trong họ đã chôn vùi bao quyền lợi cá nhân, tuổi trẻ, sự nghiệp, tình yêu hạnh phúc... nghĩa là bao số phận con người cần được biểu hiện và đặt ra. Không phải các nhà văn không nhìn thấy những bi kịch số phận cuộc đời của con người, của nhân vật, mà trong các tiểu thuyết trước 1975 viết về chiến tranh, do nhiều yếu tố chi phối ngòi bút mà các nhà văn ít thể hiện những cái mất mát đau thương, số phận bi kịch con người.

Trở lại những đặc điểm của nền văn học Việt Nam trong những năm chiến tranh (giai đoạn trước 1975), đó là một nền văn học phục vụ cho chính trị, phản ánh cuộc chiến đấu kiên cường anh dũng của quân và dân ta. Một nền văn học dưới sự chỉ đạo của đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng. Và cảm hứng chung của văn học giai đoạn này là ca ngợi, là lãng mạn, ngợi ca cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc, ngợi ca những anh hùng của thời đại. Do đòi hỏi của nền văn nghệ phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu, cho nên các nhà văn ở tác phẩm

của mình cái được viết ra là cái được, cái chiến thắng nhiều hơn là cái đau, cái mất. Và ở giai đoạn lịch sử này, trong không khí đất nước, dân tộc lúc bấy giờ nếu như đi sâu phản ánh, viết nhiều về bi kịch của con người thì sẽ tạo ra những trang viết có thể ảnh hưởng tiêu cực đến không khí tung bừng sục sôi của cách mạng.

Vì vậy mà trong các sáng tác viết về đề tài chiến tranh của văn học giai đoạn trước 1975, từ những truyện ngắn nhỏ đến những cuốn tiểu thuyết dày mấy trăm trang như *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu, *Hòn Đất* của Anh Đức... có đến bao nhiêu là nhân vật với những cuộc đời khác nhau nhưng các nhà văn ít viết về số phận của họ. Mà cảm hứng chính nổi lên trên tác phẩm là cái ý chí, tinh thần chiến đấu dũng cảm của họ.

Nói tới chiến tranh chúng ta thường nghĩ ngay tới sự mất mát hy sinh đầy đau thương tang tóc. Nhưng do yêu cầu bức thiết của hoàn cảnh, văn học phải hướng con người vào tương lai chiến thắng, phải vượt lên hoàn cảnh, xem cái chết nhẹ tựa “lông hồng”. Cho nên vấn đề không có lợi cho cách mạng như cái chết, sự mất mát, tang tóc... hầu như không được đề cập đến. Nếu có thì cũng đọc các nhà văn phản ánh bằng hào khí, tâm lý của một dân tộc anh hùng. Cái chết nếu có được nói đến thì cũng là “những cái chết hoá thành bất tử”, cũng là sự khẳng định cái chết bất diệt trường tồn của lý tưởng, cách mạng, của lòng quả cảm hi sinh cho đất nước, cho dân tộc.

Như vậy, do đặc điểm chi phối của nền văn học mà ta thấy rằng ở các tiểu thuyết trước 1975 trong văn học cách mạng Việt Nam viết về đề tài chiến tranh, các nhà văn thường chú ý để biểu hiện được cái tinh thần cổ vũ chiến đấu cho cách mạng, cái không khí tung bừng của cách mạng, nên cảm hứng bao trùm là lãng mạn, ngợi ca, viết ra những cái gì là được, là chiến thắng hơn là mất mát, đau thương. Vì thế trong tác phẩm của họ bạn đọc ít bắt gặp những bi kịch số phận nhân vật như trong một số tiểu thuyết cùng viết về đề tài này ở giai đoạn sau 1975.

Né tránh thể hiện những bi kịch số phận con người cũng có nghĩa là các cây bút tiểu thuyết ở

giai đoạn trước 1975 viết về chiến tranh đã đáp ứng đúng yêu cầu mà văn học đặt ra lúc bấy giờ, phù hợp với khuynh hướng thẩm mỹ, thị hiếu độc giả trong giai đoạn này. Đồng thời góp nên những trang viết để làm rõ hơn đặc điểm của nền văn học Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử.

### 2.3. Ưu tiên sự kiện hơn là tâm lý

Đọc các tiểu thuyết trước 1975 viết về đề tài chiến tranh, một đặc điểm mà chúng ta dễ dàng nhận ra là: các nhà văn ưu tiên miêu tả sự kiện hơn là tâm lý. Vì sao lại như vậy? Trở lại đặc điểm của văn học ở thời kỳ này chúng ta thấy rằng: khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn chi phối mạnh mẽ sáng tác của các nhà văn. Họ tập trung phản ánh những sự kiện, hiện tượng có ý nghĩa đối với vận mệnh dân tộc, với cuộc sống và nghiệp đấu tranh anh dũng của nhân dân ta.

Trong phẩm *Sống mãi với thủ đô*, Nguyễn Huy Tưởng dựng lại cả một bức tranh Hà Nội ngồn ngồn, xô bồ trong không khí nhiệt huyết cách mạng của ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Toàn dân Hà Nội tạo dựng trận địa chống Pháp ngay giữa lòng Thủ đô “mỗi phố là một mặt trận, mỗi nhà là một pháo đài”.

Ở *Hòn Đất*, Anh Đức miêu tả cuộc chiến đấu của nhân dân vùng Hòn thuộc tỉnh Kiên Giang trong những ngày đầu kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tác phẩm miêu tả rất nhiều sự kiện của cuộc chiến đấu giữa đội du kích và bọn địch do thằng Xăm chỉ huy để biểu hiện rõ hơn sự độc ác của giặc và tinh thần chiến đấu dũng cảm của dân và quân ta. Địch ném hàng trăm quả lựu đạn vào hang Hòn, thả thuốc độc xuống suối, bắt, tra tấn và chém chết chị Sứ. Để làm nổi bật tinh thần chiến đấu anh dũng của quân ta (qua hình tượng chị Sứ), Anh Đức không hướng ngòi bút nhiều vào việc miêu tả tâm lý, tâm trạng nhân vật mà lại chú ý miêu tả những sự kiện có tính chất tiêu biểu, thông qua đó làm rõ hơn tính cách hình tượng nhân vật. Như là việc Sứ phải dùng đến ca nước cuối cùng dành cho con để nấu cháo cho hai du kích bị thương (Thắm và Bé), rồi việc Sứ đã lợi dụng chiếc

micro kêu gọi anh em đừng uống nước suối và giữ vững tinh thần chiến đấu.

Với *Dấu chân người lính* - một cuốn tiểu thuyết dày 500 trang, Nguyễn Minh Châu đã dẫn dắt người đọc đi vào chiến dịch lớn của Quân giải phóng miền Nam với hàng loạt sự kiện: những chiến dịch Đường 9, Khe Sanh, Tà Con trong cảnh hành quân ban đêm xuyên rừng, xuyên núi; Những trận máy bay B52 ném bom theo toạ độ, một trận tập kích chớp nhoáng rất linh hoạt của các chiến sỹ ta, một trận đổ quân bất thần của địch.

Điềm qua một số tiểu thuyết thì chúng ta nhận thấy: do đặc điểm trong tư duy nghệ thuật, do sự chi phối chung của nền văn học lúc bấy giờ, các tiểu thuyết trước 1975 viết về đề tài chiến tranh chú ý miêu tả sự kiện nhiều hơn là miêu tả tâm lý nhân vật. Từng có những ý kiến đánh giá: tiểu thuyết thời kỳ kháng chiến mới chỉ dừng lại những mốc, những sự kiện mà chưa có được tầm khái quát cũng như tầm nhận thức chiến lược, bởi “những năm tháng sôi nổi mãnh liệt đó, con người mới đã hiện ra nhưng các đường nét của tính cách vẫn còn đang phát triển, chưa ổn định. Nhà tiểu thuyết bị lôi cuốn bởi những thác người cuốn cuộn đi vào cách mạng nên chưa đủ thời gian lắng lại để tìm hiểu sâu vận mệnh và đời sống bên trong của những con người cụ thể” [4].

### 3. Kết luận

Nhìn chung, tiểu thuyết trước 1975 chưa đi sâu vào khám phá, thể hiện số phận con người. Những hạn chế, thiếu hụt này sẽ được khắc phục ở tiểu thuyết giai đoạn sau (sau 1975) - trong điều kiện lịch sử xã hội mới. Vì vậy mà trong các tác phẩm sau 1975 cũng viết về mảng đề tài này, các nhà văn đã chú ý miêu tả nhiều, sâu hơn đến tâm lý của nhân vật, vào cái thế giới bên trong mỗi con người. Con người được nhìn nhận đầy đủ với tất cả sự phong phú, đa dạng, phức tạp, bí ẩn và đầy biến hóa của nó.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bakhtin.M, Lý luận và thi pháp tiểu thuyết (Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu), Trường viết văn Nguyễn Du, Hà nội, 1993.
- [2] Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa văn nghệ (Từ Đại hội VI đến Đại hội VII), Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Minh Châu (1984), Dấu chân người lính, Nxb Thanh niên.
- [4] Phan Cự Đệ (2001), Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, Nxb Giáo dục.
- [5] Hà Minh Đức (1991), Mấy vấn đề lý luận văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới, Nxb Sự thật.
- [6] Nguyễn Hải Hà (1992), Thi pháp tiểu thuyết L.Tônxtôi, Nxb Giáo dục.
- [7] Trần Đình Sử (1993), Một số vấn đề thi pháp học hiện đại, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Giáo viên, Hà Nội.
- [8] Lê Ngọc Trà (2002), “Văn học Việt Nam những năm đầu đổi mới”, Văn học,(2).

## Description of Human Destiny in Vietnamese Novels |from 1945 to 1975

Lê Thị Hằng

*Department of Students Affair - Ministry of Education and Training  
35 Đại Cồ Việt Street, Hai Bà Trưng, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The paper studies the particularities of the description of human destiny in Vietnamese novels before 1975. This research attempts to give supplementary understanding and contribute to update the research on how the human destiny is described in the practices of literary composing in the period. Basing on the findings, the author wants to show a general trend: the Vietnamese writers are increasingly pay their attention to human destiny.

*Keyword:* Discovery, description, human destiny, Vietnamese Novel.